TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **04**/2026/DS-ST Ngày 21 – 01 – 2026 V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Đức Thọ

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Huỳnh Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2024/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2024 và thụ lý yêu cầu phản tố số: 213A/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Duy H**, sinh năm 1973; địa chỉ: K T, phường L (phường H cũ), thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Anh B**, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ I, phường H (phường H cũ), thành phố Đà Nẵng và bà **Trần Thị Phương T**, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ B, phường H (phường H cũ), thành phố Đà Nẵng; bị đơn ông B và bà T vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn ông Võ Duy H trình bày:*

Từ năm 2021, ông Võ Duy H là khách quen của quán cà phê vợ chồng ông Nguyễn Anh B và bà Trần Thị Phương T tại địa chỉ K đường N, phường H, quận L (nay là phường H) thành phố Đà Nẵng. Cuối tháng 2/2023, do hai vợ chồng ông B và bà T gặp khó khăn nên có đặt vấn đề vay tiền của ông H từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng trong thời gian từ hai đến ba tháng để đầu tư kinh doanh cà phê và karaoke. Từ tháng 3/2023 đến cuối tháng 5/2023,

ông H đã nhiều lần giao tiền mặt cho ông B, bà T vay với tổng số tiền là 325.000.000 đồng. Đầu tháng 6/2023, do nhận thấy tình hình kinh doanh của ông B và bà T không hiệu quả nên ông H yêu cầu ông B và bà T trả nợ. Ông B xin gia hạn thêm một tháng để chuẩn bị tiền trả nợ và được ông H đồng ý. Tuy nhiên đến tháng 8/2023, ông B lại thông báo đã có nguồn tiền để trả nợ nhưng cần thêm tiền để làm thủ tục tách thửa (đất do cha mẹ ông B cho vợ chồng ông B xây dựng) tại khối C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam để bán trả nợ cho ông H nên ông H đã tin tưởng cho ông B, bà T vay thêm 02 lần tiền mặt với số tiền là 81.270.000 đồng, thời hạn vay từ 01 tháng đến 02 tháng. Tiếp đến, ngày 16/8/2023, ông Võ Duy H và vợ chồng ông Nguyễn Anh B và bà Trần Thị Phương T tổng hợp các khoản nợ và lập giấy "Biên nhận vay mượn làm vốn kinh doanh", trong đó các bên đã thỏa thuận số tiền vay là 420.000.000 đồng, lãi suất vay là 20%/năm, thời hạn vay là 01 tháng, nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ sẽ bị phạt gấp 05 lần lãi suất đã thỏa thuận. Tài sản thế chấp cho khoản vay bao gồm:

- Quán cà phê tại K đường N, phường H, quận L (nay là phường H) thành phố Đà Nẵng, định giá 320.000.000 đồng;

- 01 xe ô tô hiệu JRD, biển kiểm soát 43C-029.13, định giá 45.000.000 đồng;

- 01 xe máy Honda AirBlade, định giá 20.000.000 đồng;

- 01 xe máy Yamaha Nozza, định giá 35.000.000 đồng.

Tuy nhiên, hai bên thống nhất là các tài sản thế chấp nói trên vẫn do hai vợ chồng ông B quản lý sử dụng, các giấy tờ gốc của xe ô tô, xe máy do ông H giữ đến khi hoàn trả xong nợ tiền vay gốc và tiền lãi như cam kết và ông B có in ảnh chụp 2 CCCD của hai vợ chồng để gửi kèm giấy biên nhận và đưa CMND của bà T cho ông H giữ.

Tiếp đến, ngày 20/8/2023, ông Nguyễn Anh B có vay thêm của ông H số tiền 5.000.000 đồng để sửa xe. Riêng khoản vay thêm 5.000.000 đồng này đến nay ông B đã thanh toán xong.

Ngày 23/8/2023, ông Nguyễn Anh B viết "Giấy cam kết" xác nhận tính đến ngày 16/8/2023 còn nợ ông Võ Duy H số tiền 420.000.000 đồng và cam kết trả hết khoản nợ vay chậm nhất vào ngày 15/9/2023, đồng thời giao 03 xe (01 xe ô tô, 02 xe máy) cho ông H giữ để đảm bảo cho khoản nợ vay.

Tuy nhiên, đến hạn cuối trả nợ ngày 15/9/2023, ông B và bà T không trả nợ mặc dù ông H đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông B và bà T cố tình trốn tránh, chây ỳ, không chịu trả nợ. Do vợ chồng ông B và bà T không có thiện chí trả nợ, vi phạm thời hạn trả nợ nên ông H khởi kiện yêu ông B và bà T trả toàn bộ nợ vay và lãi phát sinh.

Tại phiên toà, ông H thay đổi thời gian yêu cầu tính lãi, yêu cầu ông B và bà T phải thanh toán tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/01/2026), cụ thể: Thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay tính từ ngày 16/9/2023 đến nay là 859 ngày (tương ứng là 28 tháng 05 ngày), trong đó:

+ Số tiền gốc vay theo giấy vay mượn ngày 16/8/2023 là 420.000.000 đồng;

+ Số tiền lãi trong hạn 1 tháng, từ ngày 16/8/2023 đến ngày 15/9/2023 là: 420.000.000 đồng x (20%/năm /12 tháng) x 1 tháng = 6.904.109 đồng;

+ Số tiền lãi quá hạn trên nợ gốc từ sau ngày 15/9/2023 đến nay theo thỏa thuận là: 420.000.000 đồng x (150% x 20%/năm) x 28 tháng 05 ngày = 296.531.500 đồng.

Vì vậy, ông Võ Duy H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Anh B và bà Trần Thị Phương T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi nói trên là 723.435.609 đồng.

* Đối với chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền là 2.370.000 đồng mà ông H đã tạm ứng. Tại phiên tòa, ông H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Bị đơn bà Trần Thị Phương T vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên theo đơn yêu cầu phản tố, quá trình tố tụng bà T trình bày:*

Bà Trần Thị Phương T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Duy H. Bà T cho rằng bà không quen biết, không có bất kỳ giao dịch nào với ông H. Trong giấy "Biên nhận vay mượn làm vốn kinh doanh" ngày 16/8/2023, phần chữ ký và chữ viết mang tên Trần Thị Phương T tại mục "Bên C" – người làm chứng là giả mạo, không phải do bà T thực hiện. Bà khẳng định không ký tên, không viết và cũng không tham gia làm chứng trong việc vay mượn tiền giữa ông H và ông B. Bà T có văn bản đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị Phương T trong biên nhận vay mượn ngày 16/8/2023. Ngoài ra ngày 21/11/2024, bà T còn có "Văn bản ý kiến" gửi Tòa án, trong đó bà T yêu cầu:

- Đề nghị Tòa án không xác định bà là bị đơn trong vụ án này vì bà không có giao dịch với ông Võ Duy H.

- Yêu cầu ông Võ Duy H trả lại giấy đăng ký xe máy hiệu Yamaha Nozza BKS 43F – 201.11, số đăng ký 021637 tại Công an thành phố Đ do bà Trần Thị Phương T sở hữu.

- Yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại tinh thần và vật chất cho gia đình bà, vì trong quá trình tranh chấp, ông H đã có những lời lẽ như "sẽ bắt cóc" để buộc trả nợ thay cho ông B, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý con bà; đồng

thời, mẹ bà đang điều trị ung thư cũng bị ảnh hưởng nặng nề khi nghe những thông tin này.

- Việc bị kiện với tư cách bị đơn đã gây tổn hại đến sức khỏe, uy tín và thu nhập của bà, vì bà bị vướng vào vụ kiện nên không thể tham gia các đợt đề xuất khen thưởng, thi đua tại cơ quan.

Bà Trần Thị Phương T khẳng định mình không liên quan đến khoản vay giữa ông Võ Duy H và ông Nguyễn Anh B, đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

** Bị đơn ông Nguyễn Anh B vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên theo bản tự khai đề ngày 24/9/2025 và trong quá trình tố tụng ông B trình bày:*

Vào đầu năm 2023, ông Nguyễn Anh B bắt đầu mở quán cà phê tại địa chỉ K N, phường H, quận L, TP.Đà Nẵng. Trong quá trình buôn bán, ông B có quen biết với ông Võ Duy H là khách quen của ông B. Ban đầu, ông B ngỏ ý vay của ông H số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 7%/tháng để đầu tư kinh doanh và ông H đồng ý. Tài sản thế chấp gồm 01 cà vẹt xe ô tô hiệu JRD, biển kiểm soát 43C-029.13 và 01 cà vẹt xe máy hiệu Honda AirBlade. Một thời gian sau, ông B tiếp tục vay thêm 50.000.000 đồng từ ông H, tài sản thế chấp lần này là 01 cà vẹt xe máy hiệu Yamaha Nozza BKS 43F – 201.11, số đăng ký 021637 tại Công an thành phố Đ do bà Trần Thị Phương T sở hữu, tổng số tiền vay tăng lên là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, hình thức vay không có hợp đồng rõ ràng, lãi suất thỏa thuận miệng là 10.050.000 đồng/tháng. Việc thanh toán tiền lãi được thực hiện hằng tháng dưới hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, càng về sau do làm ăn thua lỗ, ông B không còn khả năng trả lãi đều và tiếp tục vay thêm tiền của ông H. Tổng số tiền ông B vay của ông H là 420.000.000 đồng. Đây là kết quả của việc cộng dồn gốc và lãi qua nhiều lần ký lại giấy vay. Ông Nguyễn Anh B cho rằng việc ký lại giấy nợ nhiều lần là do sự dẫn dắt của ông H. Số tiền thực tế vay không đến 420.000.000 đồng mà chỉ khoảng 150.000.000 đồng và đây là khoản vay cá nhân của ông Bằng K liên quan đến bà T. Ông Nguyễn Anh B cam kết lời khai là trung thực và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Anh B, bà Trần Thị Phương T chưa chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như không không tham gia phiên tòa.

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Duy H, buộc bị đơn ông Nguyễn Anh B phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Duy H số tiền nợ gốc và lãi với tổng số tiền 723.435.609 đồng (B1 trăm hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 420.000.000 đồng;

- Nợ lãi: 303.435.609 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Phương T buộc ông Võ Duy H trả lại giấy đăng ký xe máy hiệu Yamaha Nozza BKS 43F – 201.11, số đăng ký 021637 tại Công an thành phố Đ do bà Trần Thị Phương T sở hữu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp kiện đòi tài sản của nguyên đơn ông Võ Duy H đối với bị đơn ông Nguyễn Anh B và bà Trần Thị Phương T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn ông Nguyễn Anh B và bà Trần Thị Phương T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Duy H đối với bị đơn ông Nguyễn Anh B và bà Trần Thị Phương T thì thấy:

Theo nội dung tại giấy "Biên nhận vay mượn làm vốn kinh doanh" ghi ngày 16/8/2023 giữa ông Võ Duy H với ông Nguyễn Anh B và bà Trần Thị Phương T và tại "Giấy cam kết" ghi ngày 23/8/2023 thể hiện việc ông B có vay của ông Võ Duy H số tiền 420.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất thỏa thuận 20%/năm, phương thức thanh toán cả gốc và lãi vào ngày 15/9/2023, trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ sẽ bị phạt vi phạm gấp 05 lần lãi suất đã thỏa thuận. Tại bản tự khai ghi ngày 24/9/2025, bị đơn ông Bằng thừa N có vay tiền của ông H để kinh doanh, nhưng ông B cho rằng số tiền thực tế vay chỉ khoảng 150.000.000 đồng. Đối với số tiền vay ghi 420.000.000 đồng mà ông H khởi kiện, ông B cho rằng đây là kết quả của việc cộng dồn gốc và lãi qua

nhiều lần ký lại giấy vay do sự dẫn dắt của ông H và đây là khoản vay cá nhân của ông Bằng K liên quan đến bà T. Đồng thời, ông B cung cấp tài liệu, chứng cứ là những liệt kê giao dịch tài khoản có xác nhận của Ngân hàng TMCP K1 - Chi nhánh Đ – Phòng G để chứng minh ông B đã trả cho ông H hơn 100.000.000 đồng tiền lãi.

Đối với bà T không thừa nhận việc cùng ông B chồng bà T vay tiền của ông H. Bà T khẳng định không ký tên, không viết và cũng không tham gia làm chứng trong việc vay mượn tiền giữa ông H và ông B. Kết quả giám định chữ viết và chữ ký tại giấy "Biên nhận vay mượn làm vốn kinh doanh" đề ngày 16/8/2023" cũng không xác định được chữ viết và chữ ký là của bà T. Tại phiên toà, ông H cũng thừa nhận ông H không trực tiếp chứng kiến việc bà T viết và ký vào giấy "Biên nhận vay mượn làm vốn kinh doanh".

Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ là những liệt kê giao dịch tài khoản mà ông B cung cấp có lịch sử giao dịch chuyển khoản xảy ra trước thời điểm ông B ký vào "Biên nhận vay mượn làm vốn kinh doanh" đề ngày 16/8/2023 và "Giấy cam kết" đề ngày 23/8/2023 nên không có căn cứ chứng minh ông B đã trả nợ vay cho ông H và tại phiên toà ông Võ Duy H cũng không thừa nhận. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Anh B đã vay của ông Võ Duy H tổng số tiền 420.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Xét thấy, do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông B trả khoản nợ vay 420.000.0000 đồng là phù hợp.

[2.2]. Về lãi suất trong "Biên nhận vay mượn làm vốn kinh doanh":

Các bên thỏa thuận lãi suất 20%/năm, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 (không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay). Việc ông H thay đổi thời gian yêu cầu tính lãi, yêu cầu ông B phải thanh toán tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/01/2026), cụ thể: Thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay tính từ ngày 16/9/2023 đến nay là 859 ngày (tương ứng là 28 tháng 05 ngày), trong đó:

+ Số tiền gốc vay theo giấy vay mượn ngày 16/8/2023 là 420.000.000 đồng;

+ Số tiền lãi trong hạn 1 tháng, từ ngày 16/8/2023 đến ngày 15/9/2023 là: 420.000.000 đồng x (20%/năm /12 tháng) x 1 tháng = 6.904.109 đồng;

+ Số tiền lãi quá hạn trên nợ gốc từ sau ngày 15/9/2023 đến nay theo thỏa thuận là: 420.000.000 đồng x (150% x 20%/năm) x 28 tháng 05 ngày = 296.531.500 đồng.

Xét thấy, yêu cầu tính lãi suất của ông H là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Duy H buộc ông Nguyễn Anh B có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi nói trên là 723.435.609 đồng cho ông Võ Duy H.

[2.3]. Xét yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Phương T thì thấy:

Bà T cho rằng chữ ký, chữ viết trong "Biên nhận vay mượn làm vốn kinh doanh" ngày 16/8/2023 là giả mạo, không phải do bà ký. Vì vậy bà T đã làm đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết. Theo Kết luận giám định số 357/KL-KTHS ngày 13/5/2025 của Phòng K2 Công an thành phố Đ thì chữ ký trên mẫu cần giám định so sánh với chữ ký trên các mẫu cần so sánh không đồng nhất nên không có đủ cơ sở để kết luận chữ ký của bà Trần Thị Phương T trên "Biên nhận vay mượn làm vốn kinh doanh" là do bà T ký, đồng thời chữ viết có nội dung "Trần Thị Phương T" trên mẫu cần giám định so với chữ viết "Trần Thị Phương T" trên các mẫu cần so sánh không phải do cùng một người viết. Vì vậy, HĐXX xét thấy biên nhận vay mượn ngày 16/8/2023 chỉ xác định ông Nguyễn Anh B là bên vay tiền, còn bà T được ghi với tư cách "người làm chứng". Việc giám định cho thấy chữ viết tên bà T trong biên nhận không phải do bà viết, chữ ký không đủ cơ sở xác định là của bà T. Từ những chứng cứ trên, có căn cứ khẳng định bà Trần Thị Phương T không tham gia vào giao dịch vay mượn giữa ông H và ông B. Do vậy, không có căn cứ buộc bà T có nghĩa vụ cùng ông B thanh toán khoản nợ vay cho ông H. Do đó việc bà Trần Thị Phương T phản tố yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Duy H trả lại giấy đăng ký xe mô tô Yamaha Nozza BKS 43F-201.11, số đăng ký 021637 do bà T đứng tên quyền sở hữu là đúng pháp luật nên Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu này.

[2.3] Xét các yêu cầu khác của bà Trần Thị Phương T:

Đối với yêu cầu phản tố của bà T yêu cầu ông Võ Duy H bồi thường thiệt hại tinh thần, vật chất đối với gia đình của bà T, tuy nhiên quá trình tố tụng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4]. Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Duy H được chấp nhận nên hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông H đã nộp theo quy định của pháp luật.

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Duy H đối với bị đơn ông Nguyễn Anh B nên ông Nguyễn Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch đối với số tiền mà ông B có nghĩa vụ phải trả cho ông H trên số tiền 723.435.609 đồng là: 20.000.000 đồng + 4% x 323.435.609 đồng = 32.937.444 đồng.

- Do chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Phương T nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng mà bà T đã nộp.

[2.5].Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền là 2.370.000 đồng mà ông Võ Duy H đã tạm ứng và đã chi xong. Tại phiên tòa, ông H yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Kết luận giám định số 357/KL- KTHS ngày 13/5/2025 của Phòng K2 Công an thành phố Đ đã kết luận:

- **Không đủ cơ sở kết luận** chữ ký mang tên Trần Thị Phương T trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Trần Thị Phương T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 có phải do cùng một người ký ra hay không *(Chữ ký trên mẫu cần giám định so với chữ ký trên các mẫu so sánh không đồng dạng với nhau).*

- Chữ viết có nội dung "Trần Thị Phương T" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Trần Thị Phương T trên các mẫu so sánh ký hiệu tử M1 đến M7 **không phải do cùng một người viết ra**.

Như vậy, với nội dung Kết luận giám định của Phòng K2 Công an thành phố Đ như đã nêu trên thì Hội đồng xét xử không thể sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Do đó, ông Võ Duy H là người làm đơn yêu cầu giám định và tạm ứng chi phí giám định nên phải chịu chi phí giám định với số tiền 2.370.000 đồng là đúng pháp luật (đã thu và chi xong).

[2.6]. Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 166, 274, 275, 280, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 103, 147, khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Duy H. Buộc bị đơn ông Nguyễn Anh B có nghĩa vụ trả cho ông Võ Duy H tổng số tiền 723.435.609 đồng *(Bảy trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm lẻ chín đồng)*, trong đó:

- Nợ gốc: 420.000.000 đồng;

- Nợ lãi: 303.435.609 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Phương T, buộc ông Võ Duy H trả lại cho bà T 01(một) giấy đăng ký xe máy hiệu Yamaha Nozza BKS 43F – 201.11, số đăng ký 021637 tại Công an thành phố Đ do bà Trần Thị Phương T sở hữu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Võ Duy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Võ Duy H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.400.000 đồng (Mười hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008965 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đà Nẵng).

- Bị đơn ông Nguyễn Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 32.937.444 đ (Ba mươi hai triệu,chín trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

- Bị đơn bà Trần Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002529 ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đà Nẵng). Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết nguyên đơn ông Võ Duy H phải chịu với số tiền 2.370.000 đồng (Ông H đã nộp đủ và chi xong).

5. Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND Khu vực 4 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đức Thọ

Theo ông Hưng trình bày đến thời hạn thanh toán ông Hưng đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin nhắc nhở nhưng ông Bằng, bà Trang vẫn cố tình chây ỳ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.